| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc Giao

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Bùi Văn Sơn

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Huỳnh Thị Lệ T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, An Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

*2. Bị đơn:* Lư Thành L (tên gọi khác: Q), sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Lư Văn M, sinh năm 1964 (có mặt)

Huỳnh Thị L, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2017, tờ tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị Lệ T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Lệ T và anh Lư Thành L kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 23/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh L thường xuyên uống rượu đến khuya, chị khuyên nhiều lần nhưng anh L không nghe, ngoài ra giữa chị và mẹ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh L nghe lời mẹ dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi. Tháng 02/2017 mẹ chồng chị giữ cháu K trong thời gian lâu không trả lại cho chị, chị sợ mất con nên ẳm con về nhà cha mẹ ruột sống và gửi đơn ly hôn với anh L. Hiện nay chị không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: có một con chung tên Lư Gia K, sinh ngày 28/02/2017. Hiện nay cháu K đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Khi chị và anh L kết hôn cha mẹ chồng có cho vợ chồng chị số vàng cưới là 02 (hai) lượng vàng 24 kara. Khi chị về nhà cha mẹ ruột thì cha mẹ chồng đòi lại nên chị đã giao cho cha mẹ chồng là ông Lư Văn M và bà Huỳnh Thị L giữ số vàng này. Ngoài ra khi đám cưới cha mẹ chị có cho vợ chồng 01 (một) cái tủ cây bằng gỗ căm xe có giá trị 8.000.000 đồng, hiện tủ cây do anh L đang quản lý sử dụng. Chị yêu cầu chia đôi số vàng và tủ cây theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại các biên bản hòa giải ngày 17/7/2017, ngày 22/9/2017 và quá trình tố tụng, bị đơn anh Lư Thành L trình bày:

- Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh và chị T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Về nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị T trình bày, anh thừa nhận có uống rượu nhưng không thường xuyên, khi uống rượu anh đi ngủ, không có thái độ không tốt với vợ. Giữa vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những xích mích nhỏ trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa chị T và mẹ ruột anh cũng không lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, lý do chị T xin ly hôn là do chị vợ tác động chị T ra ở riêng, ngoài ra anh không biết lý do gì khác. Anh vẫn còn thương vợ con nên trước yêu cầu ly hôn của chị T thì anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có một con chung tên Lư Gia K, sinh ngày 28/02/2017. Hiện nay cháu K đang sống với chị T. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: anh và chị T không có tài sản chung. Anh thừa nhận khi anh và chị T kết hôn cha mẹ anh có cho vợ chồng số vàng cưới là 02 (hai) lượng vàng 24 kara và gia đình anh đi tiền đồng là 20.000.000 đồng nên cha mẹ chị T có mua cho vợ chồng 01 tủ gỗ căm xe giá 8.000.000 đồng. Đây là tài sản cha mẹ cho khi anh và chị T cưới nhau, nếu anh và chị T ly hôn phải trả số tiền vàng này cho

cha mẹ của anh vì đây là tài sản của cha mẹ, không phải tài sản của vợ chồng anh nên anh không đồng ý yêu cầu chia tài sản của chị T.

- Về nợ chung: không có.

* Tại các biên bản hòa giải ngày 17/7/2017, ngày 22/9/2017 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lư Văn M và bà Huỳnh Thị L trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của anh Lư Thành L, khi anh L và chị T tổ chức đám cưới, ông bà có cho các con 02 (hai) lượng vàng 24kara và giao 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền đồng cho nhà gái theo thủ tục cưới hỏi. Ông bà thừa nhận khi T về nhà cha mẹ ruột sống thì có giao lại cho ông bà 02 (hai) lượng vàng 24 kara. Nay trước yêu cầu của T chia đôi số vàng cưới và tủ cưới, ông bà không đồng ý số vàng này ông bà cho con khi đám cưới, nếu T tự ý ly hôn thì ông bà yêu cầu phải trả lại cho ông bà số vàng 02 (hai) lượng vàng 24 kara và số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

* Tại phiên tòa:

- Chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, yêu cầu chia đôi phần tài sản chung là 02 lượng vàng 24 kara và 01 tủ bằng gỗ căm xe có giá trị hiện nay là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) theo quy định pháp luật, chị nhận bằng giá trị.

- Anh L không đồng ý ly hôn với chị T, nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, anh xác định số vàng 02 (hai) lượng vàng 24 kara và tủ quần áo là sử dụng tiền đồng tài sản của cha mẹ anh cho khi cưới nên phải trả lại cho ông M và bà L, anh không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của chị T.

- Ông M và bà L thừa nhận đang giữ 02 lượng vàng 24 kara nhưng không đồng ý trả lại cho anh L, chị T, yêu cầu được nhận số vàng này và yêu cầu chị T anh L phải trả lại số tiền 20.000.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và chia tài sản chung là 02 (hai) lượng vàng 24 kara và 01 (một) tủ quần áo bằng gỗ căm xe trị giá 8.000.000đ theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Huỳnh Thị Lệ T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lư Thành L có nơi cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

2.1 Về hôn nhân: Chị T và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/5/2016 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị T và anh L được đoàn tụ, nhưng các bên không hòa giải được các mâu thuẫn đã phát sinh, chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh L. Chị T trình bày trong cuộc sống vợ chồng anh L thường xuyên uống rượu, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2017, bà Võ Thị Ánh N – Trưởng ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận: *"chị T và anh L thường xuyên cãi nhau, anh L không đánh chị T, anh L có uống rượu nhưng không thường xuyên. Tuy nhiên cha mẹ chồng của chị T rất khó khăn nên mâu thuẫn của vợ chồng chị T khá gay gắt, khó hòa giải được"*. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh L chị T chủ yếu xuất phát từ những hiểu lầm, mâu thuẫn nhỏ giữa bà L và chị T, nhưng hai bên không có biện pháp để giải quyết dẫn đến ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng của anh L chị T và phát sinh thêm nhiều mâu thuẫn khác. Từ khi ly thân đến nay, giữa chị T và anh L không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau và tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh L. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

2.2 Về con chung: chị T và anh L thống nhất có một con chung tên Lư Gia K sinh ngày 28/2/2017, hiện cháu K đang sống với chị T, chị T và anh L đều có yêu cầu được nuôi cháu K. Hiện nay cháu K dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ, chị T đang buôn bán gần nhà, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc cháu K, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nhưng đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K, mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương tối thiểu tại từng thời điểm cấp dưỡng, thời

gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu K tròn 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, tiền cấp dưỡng do chị T đại diện nhận.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung: Chị T và anh L đều thừa nhận khi kết hôn cha mẹ anh L có cho vợ chồng anh chị số vàng cưới là 02 (hai) lượng vàng 24 kara và cha mẹ chị T có cho vợ chồng anh chị một tủ quần áo bằng gỗ căm xe trị giá 8.000.000đ (tám triệu đồng). Tuy anh L không thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng, nhưng xác nhận đây là tài sản có được do cha mẹ cho các con trong ngày cưới theo phong tục cưới hỏi, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình xác định là tài sản chung của vợ chồng. Anh L và chị T không thỏa thuận được, chị T có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, chia phần tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Chị T được nhận 01 (một) lượng vàng 24kara và ½ giá trị của tủ quần áo là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), anh L được nhận nhận 01 (một) lượng vàng 24kara và ½ giá trị của tủ quần áo là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Do hiện nay ông M và bà L đang giữ 02 lượng vàng 24kara nên buộc ông M và bà L giao lại cho chị T và anh L mỗi người 01 lượng vàng 24kara. Riêng phần tài sản chung là tủ quần áo hiện do anh L quản lý nên anh L có trách nhiệm giao lại cho chị T số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

2.4 Về nợ chung: chị T và anh L thống nhất không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5 Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông M và bà L có yêu cầu anh L và chị T trả lại số vàng cưới 02 lượng vàng 24kara và số tiền 20.000.000đ, ông bà đã cho anh L và chị T lúc kết hôn, Tòa án đã thông báo cho ông bà bổ sung đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 189 và Điều 193 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông bà không thực hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của ông bà.

*[3] Về án phí sơ thẩm:*

- Chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí chia tài sản chung theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Anh L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 và 2.000.000 đồng án phí chia tài sản chung theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

*[4] Quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, Điều 33, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, điểm b khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Lệ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Lệ T được ly hôn với anh Lư Thành L.

- Về nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị Lệ T được tiếp tục nuôi con chung tên Lư Gia K, sinh ngày 28/02/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lư Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lư Gia K, mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương tối thiểu tại từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K tròn 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, tiền cấp dưỡng do chị T đại diện nhận.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung: Tài sản chung của chị Huỳnh Thị Lệ T và anh Lư Thành L là 02 (hai) lượng vàng 24 kara và 01 (một) tủ quần áo bằng gỗ căm xe trị giá 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Buộc ông Lư Văn M và bà Huỳnh Thị L giao trả lại cho chị Huỳnh Thị Lệ T 01 (một) lượng vàng 24kara, giao trả lại cho anh Lư Thành L 01 (một) lượng vàng 24 kara.

Anh Lư Thành L được quyền sở hữu 01 tủ quần áo bằng gỗ căm xe, anh L có nghĩa vụ giao cho chị Huỳnh Thị Lệ T số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

- Về nợ chung: không có.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Huỳnh Thị Lệ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí chia tài sản chung, được khấu trừ vào số tiền 1.275.000đ (một triệu hai trăm bảy mươi lăm

ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000730 ngày 20/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị T phải nộp thêm 1.025.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Anh Lư Thành L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm ngàn đồng) tiền án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Lệ T, anh Lư Thành L, ông Lư Văn M và bà Huỳnh Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/02/2018).

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Giao**